

Số: 84 /2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành đơn giá sản phẩm
xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 19 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 414/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá sản phẩm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Đơn giá tại Quyết định này được sử dụng làm cơ sở để lập và thẩm tra, thanh quyết toán các dự án, nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu: Địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất (gọi chung là cơ sở dữ liệu đất đai) thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối tượng áp dụng:

Đơn giá này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, đơn vị sự nghiệp công lập, các Công ty nhà nước, các tổ chức và cá nhân liên quan đến việc thực hiện các công việc về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đơn giá sản phẩm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai:

a) Đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

b) Đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai: Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm.

c) Đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm.

d) Đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất: Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm công khai đơn giá sản phẩm theo quy định; thường xuyên cập nhật các quy định có liên quan của nhà nước để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các công việc đã tổ chức lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày có hiệu lực của Quyết định này thì áp dụng đơn giá trúng thầu để thanh, quyết toán.

b) Đối với các nhiệm vụ thực hiện theo hình thức đặt hàng, giao dự toán theo hình thức tự thực hiện; các nhiệm vụ chưa tổ chức lựa chọn và chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị có trách nhiệm trình phê duyệt điều chỉnh dự toán hoặc phê duyệt giá dự toán gói thầu theo đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thiên Định